Kb

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 391 /QĐ-CT

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khoanh nợ tiền thuế đối với 30 người nộp thuế

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về khoanh nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 69/2020/TT-BTC ngày 15/7/2020 của Bộ Tài chính quy định hồ sơ và trình tự, thủ tục xử lý nợ theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội;

Căn cứ Quyết định số 1836/QĐ-BTC ngày 08/10/2018 của Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế trực thuộc Tổng cục Thuế;

Căn cứ Quyết định số 3643/QĐ-CT ngày 02/11/2020 của Cục trưởng Cục Thuế TP Đà Nẵng về việc giao quyền ký các văn bản liên quan đến công tác xử lý nợ thuế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế thuộc Cục Thuế và hồ sơ khoanh nợ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Khoanh nợ tiền thuế kể từ ngày 01/7/2020 đối với 30 người nộp thuế với tổng số nợ tiền thuế được khoanh là 1.031.391.026 đồng (viết bằng chữ: Một tỷ, không trăm ba mươi mốt triệu, ba trăm chín mươi mốt nghìn, không trăm hai mươi sáu đồng).

(Danh sách người nộp thuế được khoanh nợ tiền thuế kèm theo)

Lý do được khoanh nợ tiền thuế: Người nộp thuế không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đăng ký thuế thuộc đối tượng được khoanh nợ quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14.

Trưởng phòng Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và các thông tin của hồ sơ đề nghị khoanh nợ.

Điều 2. Căn cứ vào số nợ tiền thuế được khoanh nợ nêu tại Điều 1 trên đây, Phòng Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế điều chỉnh số nợ tiền thuế của 30 người nộp thuế có tên trong danh sách tại Điều 1.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh văn phòng Cục Thuế, Trưởng các phòng: Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế, Kê khai-Kế toán thuế, Nghiệp vụ-Dự toán-Pháp chế, Kiểm tra nội bộ, Thanh tra-Kiểm tra 1, 2, 3, 4 và 30 người nộp thuế có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Trang thông tin điện tử Cục Thuế (để đăng tin);
- Phòng ĐKKD-Sở KHĐT Địa chỉ: Tầng 6, Trung tâm Hành chính TP 24 Trần Phú, Q. Hải Châu, Đà Nẵng (để biết);
- Lưu: VT, QLN (3 bản).

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC THUẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Lê Bá Tiến

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

DANH SÁCH NGƯỜI NỘP THUẾ ĐƯỢC KHOANH NỢ TIỀN THUẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 391../QĐ-CT ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Cục Thuế TP Đà Nẵng)

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh	Tổng số nợ tiền thuế được khoanh	Trong đó: Tiểu mục				
					1052	1701	1749	2862	4254
1	*2*	*3*	*4*	*5 = 6 +...+ 10*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
	Tổng cộng:	**30**		**1.031.391.026**	**82.017.106**	**827.493.925**	**20.937.240**	**24.325.000**	**76.617.755**
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Giao nhận vận chuyển Container Quốc tế Đà Nẵng	0200338406-001	Số 79 Quang Trung, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, Đà Nẵng	**1.100.000**	0	0	0	1.100.000	0
2	Tổng Đội Xây Lắp Thanh Niên	0400100030-002	Số 88 Điện Biên Phủ, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	**312.081.255**	0	279.334.482	20.911.240	4.000.000	7.835.533
3	Xí nghiệp Chế biến nông sản thực phẩm Thọ Quang	0400100471-003	Phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, Đà Nẵng	**72.095.926**	1.052.361	70.043.565	0	1.000.000	0
4	Xí nghiệp Xây dựng công trình 12.4	0400101940-004	Số 45 Điện Biên Phủ, phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	**1.441.618**	0	1.441.618	0	0	0
5	Công Ty TNHH Đà Nẵng Kiến Tạo	0400124313	Số 53 Hải Phòng, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, Đà Nẵng	**850.000**	0	0	0	850.000	0
6	Công ty TNHH Kim Thái	0400128558	Lô số 14 A2 đường 2-9, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	**300.000**	0	0	0	0	300.000
7	Xí nghiệp Sản xuất hàng cơ khí dân dụng Đại Việt	0400128646	Số 364/7 Trưng Nữ Vương, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	**850.000**	0	0	0	850.000	0
8	CTy TNHH thương mại Quốc Việt	0400129103	Số 461 Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	**850.000**	0	0	0	850.000	0
9	Công Ty TNHH Cung ứng kỹ thuật và tư vấn quản lý	0400228383	Số 7A6 Đông Tây, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	**1.700.000**	0	0	0	1.700.000	0
10	Trung tâm thông tin kinh tế và hợp tác phát triển khu vực	0400228584	Số 45 đường 3-2, phường Thuận Phước, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	**52.056.376**	8.411.305	10.982.819	0	2.000.000	30.662.252

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh	Tổng số nợ tiền thuế được khoanh	Trong đó: Tiểu mục				
					1052	1701	1749	2862	4254
11	Trung tâm Môi trường và phát triển TP Đà Nẵng	0400228601	Số 228 Ông Ích Khiêm, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	**3.979.858**	0	3.258.751	0	0	721.107
12	Trung tâm Văn hóa thông tin	0400228707	Số 84 Hùng Vương, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, Đà Nẵng	**500.000**	0	0	0	0	500.000
13	Trung tâm Sản xuất dịch vụ tổng hợp Thể dục thể thao TP Đà Nẵng	0400228746	Số 30 Ngô Gia Tự, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, Đà Nẵng	**4.894.260**	62.400	4.831.860	0	0	0
14	Công ty TNHH Dịch vụ môi giới thương mại đầu tư L & D Huynh Đệ	0400257190	Số 66 Trần Phú, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, Đà Nẵng	**33.017.168**	2.640.000	28.368.494	0	0	2.008.674
15	Công ty TNHH Thương mại, quảng cáo, thiết kế và trang trí nội thất Sài Gòn	0400257659	Số 209 Phan Châu Trinh, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	**44.313.809**	0	37.288.727	26.000	850.000	6.149.082
16	CTy TNHH Thương mại và dịch vụ tổng hợp Phúc Thành	0400273202	Số 176 Bạch Đằng, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, Đà Nẵng	**15.963.984**	8.800.000	6.098.984	0	0	1.065.000
17	Công ty TNHH Hoàn Vỹ	0400370100	Số 38 Nguyễn Tri Phương, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	**850.000**	0	0	0	850.000	0
18	Công ty thương mại và dịch vụ Siêu Việt	0400371954	Số 214 Nguyễn Tri Phương, phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	**9.707.174**	0	7.693.589	0	1.275.000	738.585
19	Tạp chí Khoa học và Phát triển	0400385266	Số 51 A Lý Tự Trọng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, Đà Nẵng	**700.000**	0	0	0	0	700.000
20	Công ty TNHH Nghĩa Đạt	0400386541	Số 389 Hoàng Diệu, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	**850.000**	0	0	0	850.000	0
21	CTy TNHH thương mại Ngọc Quý	0400398385	Số 98 Lý Thái Tổ, phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	**2.000.000**	0	0	0	0	2.000.000
22	Công ty TNHH Thuận An	0400399188	Số K482/17 Trưng Nữ Vương, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	**23.907.052**	1.966.400	21.940.652	0	0	0
23	CTy TNHH Thương mại và dịch vụ vận tải Ngọc Huy	0400402786	Số K482/17 Trưng Nữ Vương, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	**200.000**	0	0	0	0	200.000
24	Công ty TNHH Thương mại đầu tư và xây dựng Phan Vũ	0400407985	Số 31 Đỗ Quang, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	**2.991.694**	0	841.694	0	2.150.000	0
25	Công ty Kiến tạo đầu tư xây dựng và Thương mại tổng hợp 29	0400412103	Số 34 Điện Biên Phủ, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	**422.390.852**	54.884.640	355.368.690	0	1.500.000	10.637.522

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh	Tổng số nợ tiền thuế được khoanh	Trong đó: Tiểu mục				
					1052	1701	1749	2862	4254
26	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Đại Phát	0400414855	Số 289/12 Trường Chinh, phường An Khê, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	**3.200.000**	3.200.000	0	0	0	0
27	Công ty TNHH Ngọc Lân	0400423200	Số 01-03 Nguyễn Tri Phương, phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	**6.500.000**	1.000.000	0	0	1.500.000	4.000.000
28	Công ty TNHH SOL INVICTUS DESIGN	0401547287	Số 155 Trần Phú, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, Đà Nẵng	**2.100.000**	0	0	0	0	2.100.000
29	Công Ty TNHH Green Minh Thắng	0401705342	Tổ 02, thôn Phò Nam, xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng	**6.500.000**	0	0	0	3.000.000	3.500.000
30	Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn du học quốc tế ĐẶNG NGUYÊN - Chi nhánh Đà Nẵng	3100997175-001	Số 14/2 Hàm Nghi, phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	**3.500.000**	0	0	0	0	3.500.000